

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Số 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, Thành Phố Cần Thơ

Tel: 0710 3611 366 Fax: 0710 3611 556

---



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
QUÝ II NĂM 2012**

10/08/2012

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2012	2 - 5
3. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất Quý 2 năm 2012	6 - 7
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý 2 năm 2012	8 - 9
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 năm 2012	10 - 29

## PHỤ LỤC

- Phụ lục 1: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình 30
- Phụ lục 2: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu 31

\*\*\*\*\*

## CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, P. Thủ Đức, Q. Thủ Đức, TP. Cần Thơ

ĐT: 0710.3611366 Fax: 0710.3611556

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quí 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số: Q-01d

## DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã chi tiết	Thuyết minh	Số cuối kỳ		Số đầu năm
			4	5	
A - TÀI SẢN NGÂN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		629.352.768.366		638.283.206.984
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		43.439.987.466		3.112.072.143
1. Tiền	111	V.1	43.439.987.466		3.112.072.143
2. Các khoản tương đương tiền	112		-		-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		134.088.500		-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	134.088.500		-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-		-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		480.731.058.535		469.088.779.924
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	207.947.878.292		204.801.446.259
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	170.198.917.999		166.118.890.030
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-		-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-		-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	106.175.651.708		101.759.833.108
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	V.6	(3.591.389.464)		(3.591.389.464)
IV. Hàng tồn kho	140		97.819.450.154		156.465.187.492
1. Hàng tồn kho	141	V.7	97.819.450.154		156.465.187.492
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-		-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.228.153.711		9.617.167.345
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	596.136.336		683.883.854
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.19	816.221.017		2.559.754.346
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.19	2.078.243.070		2.078.243.070
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-		-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	3.737.553.288		4.295.286.075

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thủ Hipation, P. Thủ Đức, Q. Thủ Đức, TP. Cần Thơ

Tel: 0710. 3611366 Fax: 0710. 3611556

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quí 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý II năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu số: Q-01d

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200+210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>144.664.711.832</b>	<b>141.674.654.042</b>
1. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>115.991.528.985</b>	<b>113.255.398.836</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	25.695.226.852	27.239.458.808
- Nguyên giá	222	V.10	37.398.152.874	37.371.617.537
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	V.10	(11.702.926.022)	(10.872.152.729)
2. Tài sản cố định thuế tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	76.197.754.964	85.496.394.776
- Nguyên giá	228	V.11	78.406.657.010	87.436.417.010
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	V.11	(2.208.902.046)	(1.948.022.254)
4. Chi phí xây dựng cơ bản đã dang	230	V.12	14.008.547.169	519.545.253
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>27.525.585.605</b>	<b>27.525.585.605</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	20.225.585.605	20.225.585.605
3. Đầu tư dài hạn khác	253	V.14	7.300.000.000	7.300.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.237.597.242</b>	<b>893.669.601</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	1.237.597.242	893.669.601
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>774.917.429.198</b>	<b>779.957.860.946</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, P. Thủ Đức, Q. Thủ Đức, TP. Cần Thơ

Tel: 0710. 3611366 Fax: 0710. 3611556

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quí 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý II năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu số: Q-01a

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 - 310+330)</b>	300		754.612.288,705	705.289.556.810
I. Nợ ngắn hạn	310		753.615.113,705	704.171.081.810
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	475.903.800,589	385.115.577.077
2. Phải trả người bán	312	V.17	70.256.134,984	199.754.452.937
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	201.231.565,079	117.175.485.984
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	13.298.518	28.343.563
5. Phải trả người lao động	315	V.20	343.074.546	11.841.000
6. Chi phí phải trả	316	V.21	222.310.000	924.567.498
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	5.412.337.744	898.221.586
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khai thường, phúc lợi	323	V.23	232.592.345	262.592.345
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		997.175.000	1.118.475.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	726.750.000	726.750.000
5. Thuê tài sản hoặc thuê lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng truy cập mất việc làm	336		270.425.000	391.725.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 - 410+430)</b>	400		19.485.131.493	74.668.304.136
I. Vốn chủ sở hữu	410		19.485.131.493	74.668.304.136
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	84.800.000.000	84.800.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chính sách đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chính sách tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25	106.540.779	106.540.779
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	(65.501.409.286)	(10.238.236.643)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	440		774.617.420.198	779.957.860.946

Báo cáo này phải được đọc cùng với Báo thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, P. Thủ Đức, Q. Thủ Đức, TP. Cần Thơ

Tel: 0710. 3611366 Fax: 0710. 3611556

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quí 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý II năm 2012 (một số)

Mẫu số: Q-01d

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẰNG**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	01		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận giao công	02		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cuộn	03		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		-	-
5. Ngoại tệ các loại:	05		-	-
Dollar Mỹ (USD)				
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06	V.1	9.385,32	93.129,34



Lê Thị Kim Thảo  
Người lập biểu

Hồ Minh Tri  
Kế toán trưởng

Lê Quang Tâm  
Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, P. Thủ Đức, Q. Thủ Đức, TP. Cần Thơ  
 Tel: 0710.3611566 Fax: 0710.3611556

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số: Q-024

## DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT- QUÝ

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý II		số liệu từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VLT.1	293.799.156.332	317.168.995.548	334.859.546.903	609.195.993.728
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VLT.1	-	-	14.182.381	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VLT.1	293.799.156.332	317.168.995.548	334.845.364.522	609.195.993.728
4. Giá vốn hàng bán	11	VLT.2	365.979.025.474	305.643.928.710	350.361.657.898	370.767.660.671
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	(L1.269.888.142)	11.525.066.838	(15.586.293.376)	38.428.533.887	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VLT.3	8.200.093.016	1.099.620.367	23.623.458.867	8.383.581.919
7. Chi phí tài chính	22	VLT.4	28.662.990.473	21.097.203.897	47.603.175.829	42.766.580.926
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	VLT.4	28.511.605.674	13.056.073.239	46.742.948.528	30.894.223.838
8. Chi phí bán hàng	24	VLT.5	4.061.235.682	6.343.991.549	8.393.260.728	8.921.019.282
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VLT.6	2.176.346.308	1.451.773.617	4.537.280.448	3.039.108.345
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (20-21-22-23-24-25)	20	(38.968.328.599)	(16.998.281.899)	(94.424.491.509)	(7.914.393.877)	
11. Thu nhập khác	21	VLT.7	8.819.461.128	362.536.453	10.615.247.584	516.883.816
12. Chi phí khác	22	VLT.8	10.390.378.743	200.367.818	11.453.828.722	300.567.818
13. Lợi nhuận khác (40-31-32)	40	(1.879.917.619)	61.968.639	(908.681.138)	236.111.998	
14. Phản hồi lỗ trong Công ty liên doanh liên kết	43	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, P. Thủ Đức, Q. Thủ Đức, TP. Cần Thơ

Tel: 9710.3611366 Fax: 0710.3611556

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quí 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số: Q-02d

Báo cáo kết quả kinh doanh (tiếp theo)

CHỈ TIÊU 1	Mã chỉ tiêu 2	Thuyết minh 3	Quý II		Số liệu từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2012 4	Năm 2011 5	Năm 2012 6	Năm 2011 7
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50+30+40+45)	59		(40.539.246.174)	(16.846.313.223)	(55.263.172.643)	(7.698.477.579)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-	-	2.078.243.070
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(40.539.246.174)	(16.846.313.223)	(55.263.172.643)	(9.776.728.649)
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông điều sá	61					
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		(40.539.246.174)	(16.846.313.223)	(55.263.172.643)	(9.776.728.649)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	78	V19	(4.781)	(2.885)	(6.517)	(1.216)

Lê Thị Kim Thoa  
Người lập biểu

Bùi Minh Trí  
Kế toán trưởng



Cần Thơ, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Lê Quang Tâm  
Giám đốc

Ghi chú: (\*) Chỉ tiêu này chỉ áp dụng đối với công ty cổ phần

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, P. Thủ Đức, Q. Thủ Đức, TP. Cần Thơ

Tel: 0710. 3611366 Fax: 0710. 3611556

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quí 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số: Q-03d

## DN - BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT- PPGT - QUÝ

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIẾU	Mã chi phi	Thuyết minh	Số liệu kế từ đầu năm đến cuối quý 2/2012	Số liệu kế từ đầu năm đến cuối quý 2/2011
			4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(55.263.172.643)	(7.688.477.579)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khoản hao tài sản cố định	02	V.9, V.10	1.899.653.105	2.458.127.574
- Các khoản dự phòng	03	V.2	-	(3.000.000.000)
- Lãi, lỗ thay đổi giá trị tài sản chưa thực hiện	04	VL3	27.030.916	(590.628.050)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VL3, VL7, VL8	(13.130.829.725)	(11.276.999.390)
- Chi phí lãi vay	06	VL4	46.603.391.512	36.894.225.838
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế đãi vàn hàn động	08		(28.861.926.835)	18.786.248.393
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(13.039.059.765)	(34.484.406.443)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		58.645.737.338	(29.525.769.894)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(37.185.319.936)	26.679.004.714
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(256.180.123)	(586.575.492)
- Tiền lãi vay đã trả	13	VL4	(46.603.391.512)	(30.894.225.838)
- Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	-	(274.759.362)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		148.340.106.094	5.771.258.665
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(149.106.511.421)	(6.228.900.801)
Lưu chuyển tiền trước từ hoạt động kinh doanh	28		(39.868.546.768)	(38.858.126.858)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	23	V.9, V.10, V.1	(14.355.201.917)	(6.588.095.634)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		8.241.129.008	147.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	93.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(134.088.500)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	V.12	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.3, VL4	14.499.119.380	11.427.476.070
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		8.456.937.973	97.988.633.163

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, P. Thủ Đức, Q. Thủ Đức, TP. Cần Thơ

Tel: 0710.3611366 Fax: 0710.3611356

**BAO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quí 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số: Q-03d

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tỷ giá thực)**

<b>CHỈ TIÊU</b>	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số liệu kinh tế đầu năm đến cuối quý 2/2012	Số liệu kinh tế đầu năm đến cuối quý 2/2011
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.25		
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15	811.042.322.518	631.648.566.086
4. Tiền chí trả nợ gốc vay	34	V.15	(720.096.849.006)	(672.654.264.323)
5. Tiền chí trả nợ thuế tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.25		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>90.945.473.512</b>	<b>(41.003.698.237)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50+39+40)</b>	<b>50</b>		<b>46.327.885.323</b>	<b>(1.877.171.132)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	49	V.1	3.112.072.143	6.723.539.798
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			115.739.853
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+49+61)	70	V.1	<b>43.439.987.466</b>	<b>4.962.388.519</b>



Lê Thị Kim Thoa  
Người lập biểu



Hồ Minh Trí  
Kế toán trưởng




Lê Quang Tâm  
Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, Phường Thủ Ninh, Quận Thủ Đức, TP Cần Thơ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quí 2 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quí 2 năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần thủy sản Gentraco Quí 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần thủy sản Gentraco (công ty mẹ) và Công ty cổ phần cát Đồng Bằng (công ty con) (gọi chung là Tập đoàn).

### I. ĐẶC DIỆM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ : Công ty cổ phần.
2. lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất - chế biến, thương mại.
3. Ngành nghề kinh doanh : Thu mua, xay xát, chế biến, kinh doanh hàng nông sản, lương thực, thực phẩm các loại; Kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, nguyên liệu thực ăn gia súc, thủy hải sản; Sản xuất và kinh doanh gạo và các chế phẩm từ gạo; Kinh doanh, chế biến thức ăn thủy sản, thủy hải sản các loại; Kinh doanh, đại lý thức ăn gia súc và các sản phẩm phục vụ chăn nuôi; Nuôi trồng thủy sản, sản xuất và kinh doanh cá giống; Kinh doanh thuốc thú y thủy sản; Tư vấn xét nghiệm, kinh doanh chăn nuôi gia phục vụ sản xuất thức ăn chăn nuôi.
4. Tổng số các công ty con : 01  
Trong đó:  
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01
5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ tài sản	Tỷ lệ quyền bầu quyết
Công ty cổ phần cát Đồng Bằng	Quốc lộ 54, ấp Tân Bình, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	100%	100%

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền tiểu quyết
Công ty cổ phần Việt Anh	Số 54, quốc lộ 54, ấp Tân Bình, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	49%	49%

7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 Tập đoàn có 79 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 71 nhân viên).

## NHÓM CÔNG TY CP THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, TT Thới Núi, huyện Thới Núi TP Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quí 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tùy theo)

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty cổ phần thủy sản Gentraco (công ty mẹ) đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán đòn tính (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần thủy sản Gentraco (công ty mẹ) và Công ty cổ phần cát Đồng Bằng (công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chỉ phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

# NHÓM CÔNG TY CP THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, TT Thủ Đức, huyện Thủ Đức TP Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quí 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

## 3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá trị hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phi hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phi hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

## 4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

## NHÓM CÔNG TY CP THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, TT Thủ Đức, huyện Thủ Đức TP Cần Thơ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quí 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán với tình của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

# NHÓM CÔNG TY CP THUÝ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, TT Thủ Đức, huyện Thủ Đức TP Cần Thơ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HQP NHẤT

Quí 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	5 - 10

## 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Tập đoàn trích khấu hao Quyền sử dụng đất có thời hạn với thời gian ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không tính khấu hao.

### Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

## 10. Chi phí dì vay

Chi phí dì vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí dì vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dì đang cần có một thời gian dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí dì vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dì đang thi chi phí dì vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân giá quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lũy kế bình quân giá quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## 11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hành toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

## 12. Chi phí trả trước dài hạn

### Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ dì đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

# NHÓM CÔNG TY CP THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: T2, Nguyễn Thái Học, TT Thủ Đức, huyện Thủ Đức TP Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quí 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất các công ty trong Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

### 13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### 14. Trích lập quỹ dự phòng trả cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trả cấp mất việc làm được đóng để chi trả trợ cấp thời việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trả cấp mất việc làm là 1/2 tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập quỹ dự phòng trả cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thời việc trả cho người lao động dù điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thời việc.

### 15. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn là vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.

### 16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản nợ phải trả trong kỳ theo mức cổ tức được công bố.

### 17. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ công ty mẹ như sau:

Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ dự phòng tài chính Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn....	10%	10% vốn điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi Khen thưởng, khuyến khích lợi ich vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	10%	-

### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

## Thue thu nhập hiện hành

# NHÓM CÔNG TY CP THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: T2, Nguyễn Thái Học, TT Thủ Đức, huyện Thủ Đức TP Cần Thơ

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quí 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và ngay phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011: 20.828 VND  
30/06/2012: 20.828 VND

### 20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phản ứng rõ rệt và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

## NHÓM CÔNG TY CP THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, TT Thới Nốt, huyện Thới Nốt TP Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quí 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 21. Tài sản tài chính

#### Phân loại tài sản tài chính

Tập đoàn phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

#### Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phải sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### 22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### Nợ phải trả tài chính

Tập đoàn phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

# NHÓM CÔNG TY CP THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, TT Thới Nốt, huyện Thới Nốt TP Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quí 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phản hồi

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phản bộ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phản bộ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chính lịch sử giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phản bộ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phản bộ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trả về giá trị ghi sổ hiện tại thua cát của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

**Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**Công cụ tài chính phức hợp**

Công cụ tài chính phức hợp do Tập đoàn phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

## 23. Bé trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có đủ định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thành toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

# NHÓM CÔNG TY CP THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, TT Thủ Đức, huyện Thủ Đức TP Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quí 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## 24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÀNG CÂN ĐỒI KẾ TOÀN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2012(VND)	31/12/2011(VND)
Tiền mặt	450.661.378	74.713.613
Tiền gửi ngân hàng	42.989.296.088	3.037.158.530
<b>Cộng</b>	<b>43.439.957.466</b>	<b>3.112.072.143</b>

### 2. Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2012(VND)	31/12/2011(VND)
Cổ phiếu ngân hàng Đầu Tư Và Phát Triển Cần Thơ	134.088.500	-
<b>Cộng</b>	<b>134.088.500</b>	<b>-</b>

### 3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần đầu tư & phát triển Da Quốc Gia	2.547.386.221	7.459.795.302
Công Ty TNHH Một Thành Viên Gạo Việt	10.095.500.000	-
Công ty Cổ phần GreenFeed Việt Nam	3.107.981.520	38.079.800
Công ty CP Thực Ăn Dinh Dưỡng Nutifarm	1.114.282.800	-
Công Ty Cổ Phần Gò Dâng	2.089.800.353	-
Công ty TNHH Thủ Án Chăn Nuôi An Lợi	936.468.000	-
Công ty TNHH Hai Thành Viên Hải Sản 404	1.101.137.492	2.601.137.492
Công Ty Cổ Phần Thủ Sản Nhơn Mỹ	162.093.869.632	100.207.176.414
Công Ty Cổ Phần Việt Anh	420.650.000	867.947.015
Cty LT Thực Phẩm An Giang	244.661.000	323.424.000
Bán lẻ CN Cá Giồng Và DV Thủ Y Thủ Sản	584.114.001	2.003.778.600
Công ty CP XNK Thủ Sản Cửu Long An Giang	206.200.000	-
CN Cty CP Chế Biến & XNK Thủ Sản Đồng	700.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Tân Lực	3.182.300.319	4.224.646.174
Công ty TNHH Một Thành Viên Proconco Cần Thơ	1.437.905.438	-
Chi Nhánh Cty TNHH Cargill Việt Nam Tại Long An	1.217.862.662	-
CN Cty TNHH Cargill Việt Nam tại Cần Thơ	756.736.649	-
CN Công ty TNHH Cargill Việt Nam tại Đồng Tháp	581.870.101	-
Các khách hàng khác	15.529.152.104	87.075.461.453
<b>Cộng</b>	<b>287.947.878.292</b>	<b>204.801.446.258</b>

### 4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần Gentraco	6.216.900.000	282.034.839

**NHÓM CÔNG TY CP THUỶ SẢN GENTRACO**

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, TT Thới Nát, huyện Thới Nát TP Cần Thơ

BAO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quí 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Trần Văn Sang	31.968.574.585	35.944.880.419
Công ty cổ phần Việt Ánh	117.712.000.000	73.488.000.000
Công ty TNHH đầu tư & chế biến lương thực Thiên Ngọc	6.413.000.000	4.763.000.000
Công ty TNHH một thành viên Farmila	627.988.000	627.988.000
Doanh nghiệp tư nhân Liên Hiệp	4.671.000.000	4.671.000.000
Công ty lương thực An Giang	750.000.000	750.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.839.455.414	45.591.986.772
<b>Cộng</b>	<b>178.198.917.999</b>	<b>166.118.890.030</b>
<b>5. Các khoản phải thu khác</b>		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay hộ cho Nhân viên để mua cổ phiếu của Công ty	2.137.616.784	2.207.713.324
Phải thu tiền bán trái phiếu chuyển đổi cho Công ty cổ phần Việt Ánh	93.000.000.000	93.000.000.000
Dự Án GCF - DV Chẩn Đoán Bệnh Cá Tra & TÁ Triện Thuốc Thủ Y	1.451.262.299	-
Phải thu tiền bồi thường hao hụt đã xử lý	182.211.118	185.211.118
Tạm ứng cho cán bộ quản lý mua cổ phiếu	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty cổ phần thủy sản Nhon Mỹ - ống vốn	5.404.561.507	2.198.562.125
Các khoản phải thu khác	-	168.346.541
<b>Cộng</b>	<b>106.175.651.788</b>	<b>101.759.833.108</b>
<b>6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	3.493.889.464	3.493.889.464
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm</i>	-	-
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	1.066.684.607	1.066.684.607
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	1.824.986.107	1.824.986.107
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm</i>	602.218.750	602.218.750
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	97.500.000	97.500.000
<b>Cộng</b>	<b>3.591.389.464</b>	<b>3.591.389.464</b>
<b>7. Hàng tồn kho</b>		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang di trên đường	137.378.953	69.253.087.484
Nguyên liệu, vật liệu	3.788.048.846	4.115.203.088
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	42.918.954.005	50.382.348.612
Thành phẩm	13.414.163.009	20.192.447.513

**NHÓM CÔNG TY CP THUỶ SẢN GENTRACO**

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, TT Thủ Nại, huyện Thủ Nại TP Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quí 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng hóa	37.560.905.341	12.522.100.795
Cộng	<b>97.819.450.154</b>	<b>156.465.187.492</b>

Một số nguyên vật liệu, hàng hóa đã được dùng để chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (Xem thuyết minh VI.15).

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	143.337.496	148.234.371
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	452.798.840	535.649.483
Cộng	<b>596.136.336</b>	<b>683.883.854</b>

**9. Tài sản ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	1.401.372.530	1.030.091.798
Tài sản thiểu chở xử lý	301.868.897	494.477.089
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.034.311.861	2.770.717.188
Cộng	<b>3.737.553.288</b>	<b>4.295.286.075</b>

**10. Tài sản cố định hữu hình**

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 01 định kèm.

**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	87.416.417.010	20.000.000	87.436.417.010
Mua trong năm	-	-	-
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-
Giảm do thanh lý	(9.029.760.000)	-	(9.029.760.000)
Số cuối kỳ	<b>78.386.657.010</b>	<b>20.000.000</b>	<b>78.406.657.010</b>
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.935.355.571	4.666.663	1.940.022.234
Khấu hao trong kỳ	266.879.814	1.999.998	268.879.812
Giảm do gấp vốn	-	-	-
Số cuối kỳ	<b>2.208.235.385</b>	<b>6.666.661</b>	<b>2.208.902.046</b>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	85.481.061.439	15.333.337	85.496.394.776
Số cuối kỳ	<b>76.184.421.625</b>	<b>13.333.339</b>	<b>76.197.754.964</b>

**12. Chi phí xây dựng cơ bản đã dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	152.235.000	555.000.000	(555.000.000)	152.235.000

# NHÓM CÔNG TY CP THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, TT Thới Núi, huyện Thới Núi TP Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quí 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCLB trong kỳ	Số cuối kỳ
XDCB dò dang	318.860.848	13.478.551.917	-	13.817.412.765
Sửa chữa lớn TSCLB	28.449.404	10.450.000	-	38.899.404
Cộng	519.545.252	14.044.001.917	(555.000.000)	14.008.547.169

## 13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty cổ phần Việt Ánh <sup>10</sup>	Sản xuất và kinh doanh thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản	49%	20.225.585.605	49%	20.225.585.605
Cộng			20.225.585.605		20.225.585.605

<sup>10</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000064 ngày 16 tháng 3 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Việt Ánh 19.600.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	đã nhận trong năm	Giá trị phần chênh nhượng	Các khoản khác (kết chuyển trình bày lỗ)	Giá trị phần sở hữu cuối năm/kỳ	
					Còn tồn,	lợi
Công ty cổ phần Việt Ánh	20.225.585.605	-	-	-	-	20.225.585.605
Cộng	20.225.585.605	-	-	-	-	20.225.585.605

## 14. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần Thủỷ Sản Nhôm Mỹ	610.000	6.100.000.000	610.000	6.100.000.000
Công ty Cổ Phần Lương Thực Nam Việt	120.000	1.200.000.000	120.000	1.200.000.000
Cộng	730.000	7.300.000.000	730.000	7.300.000.000

## 15. Chi phí trả trước dài hạn

	Kết chuyển vào chi phí SXKD			Số cuối kỳ
	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	trong kỳ	
Công cụ, dụng cụ	496.497.057	153.567.226	(262.653.590)	387.410.691

# NHÓM CÔNG TY CP THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, TT Thủ Đức, huyện Thủ Đức TP Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quí 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bàu thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Tiền thuê đất của Chi nhánh An Giang	147.093.333	-	(7.465.263)	139.628.070
Tiền thuê đất của CN Cá Giống & dịch vụ thú y thủy sản	148.000.000	-	(24.000.000)	124.000.000
Tiền thuê đất nuôi cá của CN cá giống & dịch vụ thú y thủy sản		583.000.000	(90.461.538)	497.538.462
Chi phí trả trước dài hạn khác	102.079.211	-	(13.059.192)	89.020.019
Cộng	<u>893.469.681</u>	<u>741.567.226</u>	<u>(397.639.585)</u>	<u>1.237.597.242</u>

## 16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	475.903.800.589	385.115.577.077
Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ <sup>60</sup>	72.839.958.673	37.999.246.392
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Cần Thơ <sup>61</sup>	388.401.899.745	331.098.433.094
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Phòng giao dịch Thủ Đức <sup>62</sup>	14.292.192.171	13.349.897.591
Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Cần Thơ <sup>63</sup>	-	1.941.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.26)	369.750.000	527.000.000
Cộng	<u>475.903.800.589</u>	<u>385.115.577.077</u>

- (a) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng Hải - Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nguyên liệu, hàng hóa trị giá 100 tỷ.
- (b) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội để bổ sung vốn lưu động kinh doanh các mặt hàng nông sản, nguyên liệu thức ăn gia súc và thủy hải sản các loại, chăn nuôi cá tra xuất khẩu.... Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nguyên liệu, hàng hóa tồn kho luân chuyển trị giá 300 tỷ.
- (c) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - PGD Thủ Đức để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản, hạn mức tín dụng là 20 tỷ.

## Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu kỳ	384.588.577.077	527.000.000	385.115.577.077
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	811.042.322.518	-	811.042.322.518

**NHÓM CÔNG TY CP THỦY SẢN GENTRACO**

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, TT Thủ Đức, huyện Thủ Đức TP Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quí 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số kết chuyển từ vay dài hạn		-	-
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(720.096.849.006)	(157.250.000)	(720.254.099.006)
Số cuối kỳ	<u>475.934.850.589</u>	<u>369.750.000</u>	<u>475.903.800.589</u>

## 17. Phai trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần Gentraco	12.551.091.094	91.299.748.289
Công ty cổ phần Việt Ánh	15.855.119.510	22.363.370.025
Công ty TNHH CJ Vina AGRI	8.934.234.866	-
Công Ty TNHH 2TV Hải Sản 404	1.311.085.034	-
Công Ty TNHH MTV Việt Long	535.500.000	-
Công ty cổ phần Greenfeed Việt Nam	8.974.622.123	9.999.785.398
Xí nghiệp sản xuất thức ăn thủy sản Anfoodeo -	2.769.800.000	6.932.900.000
Công ty lương thực thực phẩm An Giang	-	-
Doanh nghiệp Tư Nhân Thành Nhơn	2.550.506.595	-
Công ty TNHH một thành viên Dinh Thái	1.089.774.000	-
Công ty cổ phần Pallet Vina	2.263.407.300	2.263.407.300
Công ty TNHH Một Thành Viên Gạo Việt	4.370.981.944	-
Doanh Nghiệp Tư Nhân Thái Thị Thu Hạnh	1.076.402.250	-
Các nhà cung cấp khác	7.973.700.268	66.895.241.929
Cộng	<u>70.256.134.984</u>	<u>199.754.452.937</u>

## 18. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần Gentraco	94.462.671.472	45.782.166.667
Công ty cổ phần Việt Ánh	65.217.397.600	65.217.397.600
Công ty TNHH một thành viên Gạo Việt	40.000.000.000	-
Các khách hàng khác	1.551.496.007	6.175.921.717
Cộng	<u>201.231.565.079</u>	<u>117.175.485.984</u>

## 19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	2.435.594.289	(2.435.594.289)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.920.437.960	(1.920.437.960)	-
Thuế nhập khẩu	-	654.533.142	(654.533.142)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(2.078.243.070)	-	-	(2.078.243.070)
Thuế thu nhập cá nhân	28.343.563	60.312.878	(75.357.923)	13.298.518
Các loại thuế khác	-	14.455.760	(14.455.760)	-
Cộng	<u>(2.049.899.587)</u>	<u>5.082.334.029</u>	<u>-5.097.379.074</u>	<u>(2.064.944.552)</u>

# NHÓM CÔNG TY CP THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Sơn, TT Thủ Đức, huyện Thủ Đức TP Cần Thơ

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quí 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Bảo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

- Bột đậu nành, gạo, thức ăn thủy sản và các phụ phẩm: 5%
- Thuốc thú y và các dịch vụ: 5; 10%
- Cá tra fillet xuất khẩu: 0%

## Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được hưởng ưu đãi đầu tư theo hướng dẫn tại Công văn số 1001/CT-TTHT ngày 07 tháng 5 năm 2008 của Cục Thuế Thành phố Cần Thơ, cụ thể:

- a) Đối với lĩnh vực đầu tư tại địa bàn tỉnh Đắk Nông và huyện An Phú tỉnh An Giang được hưởng các ưu đãi như sau:
  - o Thuế suất thuế TNDN 10% áp dụng trong thời gian 15 năm, kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động.
  - o Miễn thuế TNDN 04 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo.
- b) Đối với các lĩnh vực đầu tư tại địa bàn Quận Thủ Đức, TP Cần Thơ:  
Đối với các lĩnh vực đầu tư: xây xát, chế biến nông sản, lương thực, thực phẩm các loại; sản xuất gạo và các chế phẩm từ gạo; chế biến thức ăn thủy sản, thủy hải sản các loại; sản xuất cà giồng được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN, gồm:
  - o Thuế suất thuế TNDN 20% áp dụng trong thời gian 10 năm kể từ khi công ty bắt đầu hoạt động
  - o Được miễn thuế TNDN 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theoĐối với lĩnh vực đầu tư: nuôi trồng thủy sản được miễn thuế TNDN 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 02 năm tiếp theo.

## Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

### 20. Phải trả người lao động

Tiền lương trích trước đưa vào chi phí	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	343.074.546	11.841.000

### 21. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	-	898.156.070
Chi phí bốc xếp	-	26.411.428
Chi phí hoạt động HQQT	165.900.000	-
Chi phí tiền ăn giữa ca	56.410.000	-
Cộng	222.310.000	924.567.498

### 22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thu hộ tiền công đoàn	452.391.282	487.363.150
Cố tức phải trả	296.597.700	319.030.650

# NHÓM CÔNG TY CP THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, TT Thủ Đức, huyện Thủ Đức TP Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quí 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	-	37.400.352
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	58.995.130	53.764.854
Huynh Văn Nhu	2.124.052.492	-
Hàng tạm nhập chưa có hóa đơn	2.479.638.640	-
Các khoản phải trả khác	662.500	662.500
<b>Cộng</b>	<b>5.412.337.744</b>	<b>898.221.506</b>

## 23. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Số trích lập từ lợi nhuận trong kỳ	Số chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Số đầu năm			
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	219.975.933	(30.000.000)	189.975.933
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	42.616.312	-	42.616.312
<b>Cộng</b>	<b>262.592.245</b>	<b>(30.000.000)</b>	<b>232.592.245</b>

## 24. Vay và nợ dài hạn

	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	Số cuối kỳ
Số đầu kỳ			
- Ngân hàng thương mại cổ phẦn Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Cần Thơ <sup>(1)</sup>	318.750.000	-	318.750.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Cần Thơ kỳ <sup>(2)</sup>	408.000.000	-	408.000.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>726.750.000</b>	<b>-</b>	<b>726.750.000</b>

(1) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn đầu tư dự án nuôi cá tra giống và đầu tư vào kho nguyên liệu thức ăn thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất trị giá 12.150.000.000 VNĐ.

(2) Tại Công ty Con, Khoản vay Ngân hàng thương Mại cổ phần Đại Dương - Chi Nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn trung hạn đầu tư mua phương tiện hỗ trợ trong công tác điều hành và quản lý Công ty. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành vốn vay.

## 25. Vốn chủ sở hữu

### Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 2 định kèm.

### Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khen thưởng Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

**NHÓM CÔNG TY CP THỦY SẢN GENTRACO**  
 Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, TT Thủ Đức, huyện Thủ Đức TP Cần Thơ  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Quý 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tổng thể)

**Mục đích trích lập quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

**Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.480.000	8.480.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.480.000	8.480.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.480.000	8.480.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.480.000	8.480.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.480.000	8.480.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

**VL. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý 2/2012	Quý 2/2011
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	293.709.156.332	317.168.995.548
Doanh thu bán hàng hóa	226.711.372.034	243.193.523.096
Doanh thu bán thành phẩm	66.703.449.472	74.065.472.452
Doanh thu dịch vụ khác	294.334.826	-
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	-	-
<b>Doanh thu thực</b>	<b>293.709.156.332</b>	<b>317.168.995.548</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Quý 2/2012	Quý 2/2011
Giá vốn bán hàng hóa	236.968.143.202	234.269.795.993
Giá vốn bán hàng thành phẩm	69.010.882.272	71.374.132.717
<b>Cộng</b>	<b>295.979.025.474</b>	<b>285.643.928.710</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý 2/2012	Quý 2/2011
Lãi tiền gửi ngân hàng	344.921.140	39.034.854
Lãi do chính sách tỷ giá ngoại tệ	49.742.281	850.772.123
Lãi thu từ trái phiếu, tín phiếu	407.184	87.333.334

**NHÓM CÔNG TY CP THỦY SẢN GENTRACO**

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, TT Thới Nốt, huyện Thới Nốt TP Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quí 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập về hoạt động đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Cổ tức, lợi nhuận được chia

Lãi bán hàng trả chậm	7.638.721.034	(19.199.286)
-----------------------	---------------	--------------

Chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa	121.906.889	81.679.342
--	-------------	------------

Thu nhập về hoạt động đầu tư khác	46.394.483	
-----------------------------------	------------	--

<b>Cộng</b>	<b>8.292.093.816</b>	<b>1.059.620.367</b>
-------------	----------------------	----------------------

**4. Chi phí tài chính**

	Quý 2/2012	Quý 2/2011
Khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ	151.344.839	11.589.337.573

Chi phí lãi vay phải trả ngắn hạn và các tổ chức khác	28.511.605.634	13.056.075.256
---	----------------	----------------

Khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá do đánh giá các tài khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ		51.791.068
---	--	------------

Phi tuân dân bảo tài sản thế chấp		-
-----------------------------------	--	---

Hoàn nhập dự phòng giám giá đầu tư chứng khoán		(3.000.000.000)
--	--	-----------------

<b>Cộng</b>	<b>28.662.950.473</b>	<b>21.697.203.897</b>
-------------	-----------------------	-----------------------

**5. Chi phí bán hàng**

	Quý 2/2012	Quý 2/2011
Chi phí nhân viên	520.961.509	494.469.798

Chi phí vật liệu hao bì	185.720.366	-
-------------------------	-------------	---

Chi phí dụng cụ, đồ dùng	90.541.974	76.196.810
--------------------------	------------	------------

Chi phí khấu hao tài sản cố định	376.722.560	204.795.551
----------------------------------	-------------	-------------

Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.240.653.911	5.392.597.885
---------------------------	---------------	---------------

Chi phí bằng tiền khác	646.655.332	175.931.505
------------------------	-------------	-------------

<b>Cộng</b>	<b>4.061.255.652</b>	<b>6.343.991.549</b>
-------------	----------------------	----------------------

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Quý 2/2012	Quý 2/2011
Chi phí nhân viên quản lý	899.630.286	491.304.797

Chi phí vật liệu quản lý		-
--------------------------	--	---

Chi phí đồ dùng văn phòng	522.765.009	79.758.101
---------------------------	-------------	------------

Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.572.529	67.240.725
----------------------------------	------------	------------

Thuế, phí và lệ phí	3.491.720	7.608.512
---------------------	-----------	-----------

Chi phí dự phòng		-
------------------	--	---

Chi phí dịch vụ mua ngoài	117.964.401	202.631.393
---------------------------	-------------	-------------

Chi phí bằng tiền khác	608.922.363	603.230.089
------------------------	-------------	-------------

<b>Cộng</b>	<b>2.176.346.308</b>	<b>1.451.773.617</b>
-------------	----------------------	----------------------

# NHÓM CÔNG TY CP THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72, Nguyễn Thái Học, TT Thới Nốt, huyện Thới Nốt TP Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quí 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## 7. Thu nhập khác

	Quý 2/2012	Quý 2/2011
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	8.000.000.000	118.181.818
Thu nhập khác	819.461.128	244.354.635
Cộng	<b>8.819.461.128</b>	<b>362.536.453</b>

## 8. Chi phí khác

	Quý 2/2012	Quý 2/2011
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	9.730.269.329	297.749.407
Chi phí khác	660.109.414	2.818.411
Cộng	<b>10.390.378.743</b>	<b>300.567.818</b>

## 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lợi nhuận từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(55.263.172.643)	(7.698.477.579)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(55.263.172.643)	(7.698.477.579)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.480.000	8.080.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>(6.516.88)</b>	<b>(952.78)</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính



Lê Thị Kim Thành  
Người lập biểu

Hà Minh Tri  
Kế toán trưởng

Le Quang Tâm  
Giám đốc

Đã ký: Ngày 10 tháng 08 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 73 Nguyễn Thái Học, phường Thủ Nhàn, quận Thủ Đức, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quí I cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 01: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật liệu trái	Máy móc và thiết bi	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Công
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	23.697.791.900	8.588.530.922	4.449.192.761	306.348.846	269.747.101	37.311.611.537
Tăng trong năm	-	-	666.200.000	-	-	666.200.000
Mua sắm mới			666.200.000			666.200.000
Delta từ XDCB hoàn thành						-
Giảm trong năm	(340.664.263)	(167.574.167)	(71.420.233)	-	-	(579.658.663)
Thanh lý, nhượng bán	(340.664.263)	(167.574.167)	(71.420.233)	-	-	(579.658.663)
<b>Số cuối năm</b>	<b>23.357.127.644</b>	<b>8.420.956.755</b>	<b>5.943.972.528</b>	<b>306.348.846</b>	<b>269.747.101</b>	<b>37.358.152.874</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	6.275.464.535	2.899.602.456	622.148.215	199.302.043	75.145.481	10.072.152.729
Khối hao trong năm	1.011.464.185	488.754.550	118.332.804	36.701.559	3.520.218	1.630.773.293
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.286.928.720</b>	<b>3.388.447.006</b>	<b>740.681.019</b>	<b>236.103.599</b>	<b>78.665.699</b>	<b>11.702.926.023</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	17.422.327.372	5.688.938.466	3.826.884.546	106.846.803	194.601.620	27.239.458.808
Số cuối năm	<b>16.876.199.944</b>	<b>5.054.509.749</b>	<b>4.303.294.509</b>	<b>76.145.247</b>	<b>191.081.403</b>	<b>25.695.326.882</b>

Lê Thị Kim Thảo  
Người lập báo

Hà Minh Tri  
Kế toán trưởng



Lê Quang Tiến  
Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thới Nốt, quận Thới Nốt, TP. Cần Thơ  
**BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quí 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Công</b>
Số dư đầu năm trước	80.800.000.000	-	106.540.779	8.603.314.990	89.509.835.769
Tăng vốn từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu trong năm	4.000.000.000	-	-	-	4.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(10.366.887.974)	(10.366.887.974)
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	(305.748.315)	(305.748.315)
Chia cổ tức	-	-	-	(8.168.915.344)	(8.168.915.344)
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>84.800.000.000</b>	<b>-</b>	<b>106.540.779</b>	<b>(10.238.234.643)</b>	<b>74.668.394.136</b>
Số dư đầu năm nay	84.800.000.000	-	106.540.779	(10.238.234.643)	74.668.394.136
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(55.263.172.643)	(55.263.172.643)
Phát hành cổ phiếu trong năm	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>84.800.000.000</b>	<b>-</b>	<b>106.540.779</b>	<b>(65.501.409.286)</b>	<b>19.405.131.493</b>

Cấp ngày 10 tháng 08 năm 2012



Lê Thị Kim Thanh  
 Người lập bảng

Bùi Minh Tri  
 Kế toán trưởng

Lê Quang Tân  
 Giám đốc